

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ SÔNG CẦU
TỈNH PHÚ YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 27 – 5 – 2024.

V/v Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SÔNG CẦU, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phan Văn Ký.
- Bà Phạm Thị Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Bảo Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu tham gia phiên tòa: Ông Trương Đức Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 22/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1990.

- Bị đơn: Anh Trần Thanh H1, sinh năm 1980.

Cùng nơi cư trú: thôn P, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên.

Các đương sự đều vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện không đề ngày, biên bản lấy lời khai và đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 04/5/2024, nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: chị H và anh H1 tự nguyện kết hôn với nhau và đăng ký kết hôn tại UBND xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên vào ngày 03/6/2014.

Sau khi kết hôn, chị H và anh H1 chung sống hạnh phúc được một khoảng thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Cụ thể vào năm 2023, chị H và anh H1 thường xuyên cãi nhau, nguyên nhân là chị H và anh H1 không tin tưởng nhau trong chuyện tiền bạc, anh H1 đi làm không đưa tiền cho chị H giữ, anh H1 thường xuyên nhậu nhẹt, cờ bạc, chị H khuyên răn thì anh H1 chửi, đánh chị H và đập phá đồ đạc, chị H và anh H1 còn sống chung nhưng không còn tình cảm với nhau, không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau nên chị H yêu cầu ly hôn với anh H1.

Về con chung: có 02 con chung tên Trần Lê Quốc T, sinh ngày 26/4/2014 và Trần Lê Phúc H2, sinh ngày 21/5/2020. Chị H đồng ý giao 02 con chung cho anh H1 nuôi dưỡng, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: chị H không yêu cầu Toà án giải quyết.

**Theo biên bản lấy lời khai của đương sự lập ngày 03/5/2024 (BL 21 +22), bị đơn anh Trần Thanh H1 trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: anh H1 và chị H có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên vào ngày 03/6/2014. Sau khi kết hôn, anh H1 và chị H chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng trong chuyện tiền bạc, gần một năm nay anh H1 và chị H mạnh ai nấy mạnh, tiền bạc tích luỹ anh H1 không được biết, chị H tự quản lý nhưng không rõ ràng, tự ý muốn làm gì thì làm, dẫn đến anh H1 và chị H thường xuyên cãi nhau. Nay chị H yêu cầu ly hôn, anh Hoà đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: có 02 con chung tên Trần Lê Quốc T, sinh ngày 26/4/2014 và Trần Lê Phúc H2, sinh ngày 21/5/2020. Anh H1 yêu cầu nuôi 02 con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: anh H1 không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ngoài ra, chị H và anh H1 đều đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt và không tiến hành hoà giải.

Toà án tiến hành hoà giải nhưng không được.

Tại phiên toà:

Chị H và anh H1 đều có yêu cầu xét xử vắng mặt nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đều thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đều có yêu cầu xét xử vắng mặt; đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) căn cứ Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh H1. Về con chung: Giao 02 con chung tên Trần Lê Quốc T, sinh ngày 26/4/2014 và Trần Lê Phúc H2, sinh ngày 21/5/2020

cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét. Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị H yêu cầu ly hôn và giải quyết về con chung đối với anh H1. Bị đơn anh Trần Thanh H1 có nơi cư trú tại thôn P, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

Các đương sự đều có yêu cầu Toà án xét xử vắng mặt (BL 21+22+24), HĐXX căn cứ vào Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị H và anh H1 thống nhất tự nguyện kết hôn và được UBND xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên cấp giấy chứng nhận kết hôn số 37/2014, quyển số 01/2024, ngày 03/6/2014 (BL 01), đây là hôn nhân hợp pháp.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Quá trình giải quyết vụ án, chị H và anh H1 đều thống nhất xác định: sau khi kết hôn, chị H và anh H1 chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng trong chuyện quản lý tài chính gia đình, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh H1 thừa nhận có đập phá đồ đạc khi vợ chồng cãi nhau. HĐXX xét thấy chị H và anh H1 đều thống nhất vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mâu thuẫn giữa chị H và anh H1 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H yêu cầu ly hôn, anh Hoà đồng ý ly hôn nên HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H với anh H1.

[2.2] Về con chung: chị H và anh H1 thống nhất có 02 con chung tên Trần Lê Quốc T, sinh ngày 26/4/2014 và Trần Lê Phúc H2, sinh ngày 21/5/2020. Anh H1 có yêu cầu nuôi 02 con chung, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Chị H đồng ý giao 02 con chung cho anh H1 nuôi dưỡng. Tại bản trình bày nguyện vọng (BL 19) cháu Trần Lê Quốc T có nguyện ở với anh H1. Do đó, HĐXX chấp nhận giao 02 con chung cho anh H1 nuôi dưỡng, chị H không phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: chị H và anh H1 không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 39, 147 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Lê Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị H đối với anh Trần Thanh H1.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Lê Quốc T, sinh ngày 26/4/2014 và Trần Lê Phúc H2, sinh ngày 21/5/2020 cho anh H1 trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết, các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí chị H nộp trước tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000268 ngày 01/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Phú Yên(1)
- VKSND TX. Sông Cầu (2)
- THADS TX. Sông Cầu (1)
- Các đương sự (2)
- UBND xã Xuân Thịnh, TX. Sông Cầu (giấy CNKH số 37/2014, quyển số 01/2014)
- Lưu hồ sơ (2);
- Án Văn (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Trần Thị Ngọc Hà